

Tập 199

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm lẻ ba:

(Sao) Đại Bản Phật tán bĩ quốc Bồ Tát chủng chủng công đức, vi nhĩ thập tam dụ. Nhất, kiên cố bất động như Tu Di sơn. Nhị, trí huệ minh liễu như minh nhật nguyệt. Tam, quảng đại như hải, xuất công đức bảo cố. Tứ, xí thịnh như hỏa, thiêu phiền não tâm cố. Ngũ, nhân nhục như địa, nhất thiết bình đẳng cố. Lục, thanh tịnh như thủy, tẩy chư trần cấu cố. Nãi chí nhĩ thập tam, như Từ Thị quán, đẳng pháp giới cố. Mạt phục kết vân: “Kim vị nhữ đẳng cử yếu ngôn chi, nhược quảng thuyết giả, nhất kiếp bất tận”. Tắc tri Bồ Tát chi số vô lượng vô biên, Bồ Tát công đức diệc vô lượng vô biên dã.

(鈔)大本佛讚彼國菩薩種種功德，為二十三喻，一、堅固不動如須彌山，二、智慧明了如明日月，三、廣大如海出功德寶故，四、熾盛如火燒煩惱薪故，五、忍辱如地一切平等故，六、清淨如水洗諸塵垢故。乃至二十三，如慈氏觀，等法界故。末復結云：今為汝等舉要言之，若廣說者一劫不盡。則知菩薩之數無量無邊，菩薩功德亦無量無邊也。

(Sao: Trong kinh Đại Bản, đức Phật tán thán các thứ công đức của hàng Bồ Tát trong cõi ấy, đã dùng hai mươi ba tỷ dụ. Một là kiên cố bất động như núi Tu Di. Hai là trí huệ sáng suốt như mặt trời, mặt trăng sáng ngời. Ba là rộng lớn như biển, sanh ra của báu công đức. Bốn là hùng hực như lửa đốt sạch củi phiền não. Năm là nhân nhục như đất vì hết thấy bình đẳng. Sáu là thanh tịnh như nước, rửa các bụi nhơ. Cho đến tỷ dụ thứ hai mươi ba là như ngài Từ Thị quán tưởng pháp giới bình đẳng. Cuối cùng lại kết luận: “Nay ta vì các ông nói những điều chánh yếu. Nếu nói rộng rãi, thì [nói suốt] một kiếp chẳng hết”. Do vậy biết số lượng của Bồ Tát là vô lượng vô biên, công đức của Bồ Tát cũng vô lượng vô biên).

Hai mươi ba tỷ dụ được Liên Trì đại sư trích dẫn vốn là chương thứ ba mươi một, tức chương Chân Thật Công Đức trong bản hội tập của cụ Hạ Liên Cư, nhưng trong chương đó, cụ Hạ chẳng hoàn toàn trích lục hai mươi ba tỷ dụ ấy. Trong hội [Vô Lượng Thọ] Như Lai của kinh Đại Bảo

Tích, tức là nơi trang hai trăm bảy mươi bốn của bộ Ngũ Kinh Độc Bản có đoạn kinh văn ấy. Kế đó, trong bản hội tập của cư sĩ Vương Long Thư, hai mươi ba tỷ dụ đều trọn đủ. Ấn Quang đại sư, cụ Hạ Liên Cư và lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đều công nhận: Hễ Sớ Sao trích dẫn kinh Đại Bản, đại đa số là dùng bản hội tập của cư sĩ Vương Long Thư, tức là Đại A Di Đà Kinh. Nay chúng tôi in chương ấy, chương ấy có đầy đủ hai mươi ba tỷ dụ. Chương ấy có tên là Bồ Tát Công Đức Phần Đệ Tam Thập Tứ (phần ba mươi bốn, Công Đức Của Các Bồ Tát). Chương ấy trích từ bản của cư sĩ Vương Long Thư, chúng tôi cho sao chụp in lại để cúng dường chư vị đồng tu. Trong một chương kinh văn ấy, đức Phật tán thán các thứ công đức của hàng Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chương ấy rất đáng cho chúng ta đọc kỹ, vì có quan hệ rất lớn đối với sự tu học của chúng ta. Chúng tôi lợi dụng cơ hội này để giới thiệu đơn giản cùng các đồng học một chương kinh văn ấy.

Phật ngôn: A Di Đà Phật sát trung chư Bồ Tát chúng.

佛言：阿彌陀佛剎中諸菩薩眾。

(Đức Phật nói: “Các vị Bồ Tát trong cõi của A Di Đà Phật”).

“Chư” (諸) là bao gồm toàn bộ [các vị Bồ Tát] từ hạ hạ phẩm cho đến thượng thượng phẩm trong cõi Thật Báo. Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ có Bồ Tát pháp giới, chẳng có các pháp giới khác. “Chư” là như chúng ta nói từ địa vị Sơ Tín cho đến Đăng Giác Bồ Tát.

Dung mạo nhu hòa, tướng hảo cụ túc.

容貌柔和相好具足。

(Dung mạo mềm mỏng, ôn hòa, tướng hảo trọn đủ).

Từ Đại Kinh, chúng ta thấy điều này rất rõ ràng: Dung mạo và tướng hảo đều giống như A Di Đà Phật. Vì vậy, thế giới ấy là một thế giới bình đẳng, thật sự bình đẳng. Mười phương thế giới đều chẳng bình đẳng, chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới là bình đẳng. Mọi người đều giống như nhau, màu da cũng như nhau, vóc dáng cũng như nhau. Thế giới Tây Phương đích xác là chẳng thể nghĩ bàn.

Thiên Định trí huệ thông đạt vô ngại, thân thông oai đức vô bất mãn túc.

禪定智慧通達無礙，神通威德無不滿足。

(Thiền Định, trí huệ thông đạt vô ngại, thần thông, oai đức, không gì chẳng trọn vẹn).

Đây cũng là sự thật. Từ bốn mươi tám nguyện, chúng ta từng đọc thấy điều này. Tuy là đời nghiệp vãng sanh, sanh trong hạ hạ phẩm, thậm chí Ngũ Nghịch, Thập Ác lâm chung sám hối vãng sanh, hễ tới thế giới Tây Phương, trí huệ, thần thông và đạo lực cũng đều chẳng sai khác A Di Đà Phật cho mấy. Pháp môn Tịnh Độ được gọi là “pháp khó tin”, khó ở chỗ nào? Ở ngay chỗ này. Đó là sự thật. Không chỉ là lũ phàm phu chúng ta khó tin, mà hàng Bồ Tát cũng [cảm thấy] khó tin. Chúng ta thấy kinh Hoa Nghiêm nói “*phải đạt tới Đẳng Địa Bồ Tát thì mới chẳng hoài nghi pháp môn này*”. Do vậy có thể biết, các vị Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng) trong hội Hoa Tạng đều rất khó tin tưởng pháp môn này! Đạt đến Đẳng Địa (từ Sơ Địa trở lên) thì mới từ đầu đến cuối chẳng lìa niệm Phật, mới thật sự phát nguyện tu học pháp môn này. Có phải là Địa Thượng Bồ Tát và Đẳng Giác Bồ Tát đã hoàn toàn hiểu rõ hay không? Cũng chưa chắc! Vẫn còn cậy vào Phật gia trì. Nếu chẳng được Phật lực gia trì, Đẳng Giác Bồ Tát cũng chẳng có cách nào lý giải. Pháp môn này khó tin ở chỗ này, vì nó là cảnh giới thuộc về quả địa của Như Lai.

Pháp môn này chẳng tu từ nơi nhân, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là tu nhân chứng quả, pháp môn này tu từ nơi quả, chẳng tu từ nơi nhân, nên ngay cả Đẳng Giác Bồ Tát đều chẳng hiểu rõ ràng. Chúng ta đọc đến đây, [thấy kinh nói] tướng mạo [của mọi người trong cõi Cực Lạc] giống hệt như Phật, có lẽ còn miên cưỡng tin tưởng, chứ Thiền Định, trí huệ, thần thông và oai đức ngay lập tức đều chẳng sai khác đức Phật cho mấy, khó tin quá! Nhưng điều ấy xác thực là sự thật, hạ hạ phẩm vãng sanh cũng là Thiên Nhân thấy thấu suốt, Thiên Nhĩ nghe thấu suốt, Tha Tâm biết trọn khắp, xác thực là thần thông và đạo lực chẳng cách xa quả địa của đức Phật cho mấy!

Thâm nhập pháp môn, đắc Vô Sanh nhẫn.

深入法門得無生忍。

(Thâm nhập pháp môn, đắc Vô Sanh Nhẫn).

Kinh Nhân Vương nói địa vị nào mới chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn? Vô Sanh Pháp Nhẫn có ba phẩm: Hạ phẩm là Thất Địa Bồ Tát,

trung phẩm là Bát Địa Bồ Tát, thượng phẩm là Cửu Địa Bồ Tát. Thập Địa Bồ Tát chứng Tịch Diệt Nhẫn, cao hơn Vô Sanh Pháp Nhẫn một cấp. Dầu là hạ phẩm, công phu Thiền Định rất sâu, cũng là từ Thất Địa trở lên. Cụ Lý Bình Nam chú thích “*A Bệ Bạt Trí là từ Thất Địa trở lên*” do dựa trên câu này. Từ Thất Địa trở lên đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. “*Thâm nhập pháp môn*” là thật sự thâm nhập. Đã nhập pháp môn này, bèn chẳng có pháp nào không thông đạt, chur vị đồng tu nhất định phải biết điều này!

Chúng tôi tu học trong quá khứ, đã đi lầm đường. Vì thế, mọi người nghe tôi giảng kinh, tốt nhất là nghe những gì tôi đã giảng trong hai năm nay, những gì đã giảng trước hai năm gần đây đừng nên nghe. Vì sao? Trong ấy, có chẳng ít sai lầm! Hai năm nay ít sai lầm hơn, chính mình đã có tín tâm, chẳng đi lạc đường, nhất định phải tu tập từ tâm thanh tịnh. Vì lẽ đó, cái hay của kinh Vô Lượng Thọ là từ tựa đề đã nói rõ, phải thực hiện từ tâm “thanh tịnh, bình đẳng”, hãy tu tập nơi “thanh tịnh, bình đẳng, giác”. Vì thế, tôi đặc biệt nhấn mạnh tánh trọng yếu của việc đọc kinh, niệm Phật, chẳng cần mong hiểu nghĩa. Vì sao chẳng cần mong hiểu? Chúng ta chưa đoạn phiền não tập khí, chưa đoạn vọng tưởng, chấp trước, tất cả hết thấy lý giải đều là tà tri, tà kiến, chẳng phải là chánh tri chánh kiến. Khi nào tâm chúng ta đạt được thanh tịnh, tâm đạt được bình đẳng, sự lý giải khi ấy sẽ là trí huệ. Do đó, tâm thanh tịnh vô cùng khẩn yếu. Đó là “*thâm nhập pháp môn*”. Chỉ có tâm thanh tịnh thì mới có thể thâm nhập. Tâm càng thanh tịnh, nhập càng sâu.

Nếu quý vị hỏi pháp môn này là pháp môn nào ư? Nếu nói theo kinh Di Đà, sẽ là pháp môn “*nhất tâm bất loạn*”, nói theo kinh Vô Lượng Thọ sẽ là pháp môn “*phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm*”. Quý vị càng thâm nhập, tâm càng thanh tịnh, tâm càng bình đẳng. Độ sâu được đo lường bằng tâm địa thanh tịnh, bình đẳng; vì thế, các Ngài mới có thể thấy hết thấy các pháp bất sanh, bất diệt. “*Vô Sanh*” là hết thấy các pháp bất sanh, bất diệt, quý vị đồng ý, chấp nhận, khẳng định. Nếu tâm chẳng thanh tịnh, quý vị chẳng thể nào có sự nhận thức ấy. Dầu thấy đức Phật dạy như vậy, cũng là miễn cưỡng tiếp nhận, có thật sự nhập cảnh giới ấy hay không? Chẳng có! Chỉ là nghe nói mà thôi, chẳng thể thấy cảnh giới trên thực tế. Ất phải là tâm địa có mức độ thanh tịnh kha khá thì mới nhận biết rõ ràng căn bản của nhân sinh và vũ trụ.

Tri thức và trí huệ trong thế gian này, nói thật thà thì là từ Đệ Nhị Nghĩa trở xuống, chẳng phải là Đệ Nhất Nghĩa. Nhà Phật nói Đệ Nhất Nghĩa, Đệ Nhất Nghĩa là nói tới ý nghĩa căn bản. Các nhà triết học, khoa học, tôn giáo hiện thời chẳng tìm thấy bản thể của vũ trụ, cũng có nghĩa

là tuy họ rất thông minh, nhưng đối với vũ trụ và nhân sinh, đối với khởi nguyên của vũ trụ, đối với ý nghĩa và giá trị của nhân sinh, họ luôn nghiên cứu, thăm dò suốt mấy trăm năm, vẫn chẳng có kết luận, nguyên nhân ở chỗ nào? Chẳng kiến tánh! Do tìm tòi, khảo sát, họ đạt được những kết luận, toàn là tà tri, tà kiến. Trong Phật pháp, chánh tri chánh kiến được nói bởi đức Phật chính là ở chỗ nào? Ở ngay nơi tâm! Trong tâm chẳng có một vọng tưởng nào, tâm sẽ chánh. Tâm chánh thì kiến giải bèn chân chánh. Tâm bất chánh, kiến giải làm sao có thể chân chánh cho được? Toàn là vọng tưởng. Trong Phật pháp, những vọng tưởng ấy được gọi chung là Tục Đế. Chúng ta gọi tri kiến của Như Lai là Chân Đế.

Chư Phật mật tạng cứu cánh mình liễu.

諸佛密藏究竟明了。

(Hiểu rõ rốt ráo tạng bí mật của chư Phật).

“Chư Phật” không chỉ là một mình Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng chẳng phải là riêng mình A Di Đà Phật, mà là mười phương ba đời hết thấy chư Phật. Hết đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ thấy đều hiểu rõ sự chứng đắc bí mật của các Ngài. Chúng ta đọc câu kinh văn này, hãy nên giác ngộ: Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới là khẩn yếu! Trong cõi này, đừng nói là chư Phật, suốt một đời [chúng ta] vẫn chẳng hiểu rõ mật tạng của một đức Phật, chẳng có cách nào hiểu rõ. Đừng nói là một đức Phật, ngay như ý nghĩa uyên áo của một bộ kinh còn chẳng thể thông đạt, huống hồ hết thấy các kinh! Đó là lý do vì sao phải cầu sanh thế giới Tây Phương. Ở đây, tôi lại muốn nói cho quý vị biết bí mật thật sự của câu này. Mật tạng thật sự của chư Phật là một câu A Di Đà Phật. Nay chúng ta có thể niệm câu A Di Đà Phật. Chưa hiểu rõ ý nghĩa được bao hàm [trong danh hiệu] A Di Đà Phật, mật tạng của A Di Đà Phật xác thực là mật tạng của hết thấy chư Phật. A Di Đà Phật có nghĩa là gì? Một bộ kinh Vô Lượng Thọ nhằm giải thích bốn chữ A Di Đà Phật. Kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ là lược thích, tức là giải thích khái lược. Nếu giải thích cặn kẽ thì phải là Đại Tạng Kinh. Một bộ Đại Tạng Kinh là để giải thích cặn kẽ [ý nghĩa của] A Di Đà Phật. Có phải là cặn kẽ nhất hay không? Chẳng phải! Chúng ta vẫn chưa biết cặn kẽ nhất là gì? Chúng ta nghe kể Long Thọ Bồ Tát trong cung rồng thấy Đại Bổn Hoa Nghiêm Kinh, phân lượng là mười tam thiên đại thiên thế giới vi trần kệ, một tứ thiên hạ vi trần phẩm. Đừng nói là địa cầu, cả hệ Ngân Hà đều chứa không nổi, đó là giải thích bốn chữ A Di Đà Phật khá tỉ mỉ. Vì vậy, bốn chữ ấy nghĩa lý sâu không đáy, rộng vô

biên, nhiếp trọn hết thấy các pháp môn, tổng trì diệu pháp của chư Phật, chẳng phải là mật tạng của chư Phật thì là gì? Bởi lẽ đó, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì mới có thể hiểu rõ rốt ráo.

Điều phục chư căn, thân tâm nhu nhuyến.

調伏諸根身心柔軟。

(Điều phục các căn, thân tâm nhu nhuyến).

Nay chúng ta “*điều phục*” chính là dùng Giới để rèn thân, dùng Định để rèn tâm, bèn biết tầm trọng yếu của Giới và Định! Nhất tâm hệ niệm là điều tâm, trì giới niệm Phật là điều thân. “*Thân tâm nhu nhuyến*” là thân tâm tự tại! Chúng ta thua kém Bồ Tát là do nguyên nhân nào? Chúng ta chẳng biết Thật Tướng của các pháp. Nói cách khác, chẳng nhận thức chính mình, mà cũng chẳng liễu giải hoàn cảnh. Vì thế, dầu chúng ta rất nghiêm túc điều phục, kết quả đạt được vẫn là khá hữu hạn, chẳng bằng Bồ Tát đã thật sự thông đạt, hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Thật ra, đức Phật trọn chẳng giữ bí mật, chẳng giấu diếm những chân tướng ấy, Ngài đã nói ra. Do Ngài đã nói ra, chúng ta cũng biết nói, nhưng chẳng thấu hiểu ý nghĩa ấy. Kinh Kim Cang nói: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Đức Phật đã nói toạc ra: “*Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế*”. Câu sau chính là đức Phật khuyên chúng ta hãy coi nhân sinh và vũ trụ trước mắt như mộng cảnh, huyễn ảnh. Coi chúng như mộng cảnh, huyễn ảnh, chúng ta sẽ không chấp trước. Không chấp trước thì vọng tưởng ấy cũng chẳng còn nữa, đó là tu học Đại Thừa. Đây là một phương pháp rất xảo diệu.

Tất cả đau khổ, điên đảo của chúng ta trong hiện thời là do đã coi nhân sinh và vũ trụ là thật, hồng bét ở chỗ này! Vì lẽ đó, cứ lo được, lo mất trong đó. Nếu thấy cảnh giới trước mắt đều là mộng, là ảnh, cái tâm được mất của quý vị sẽ chẳng còn nữa. Chẳng có tâm được mất, tôi thiếu là phiền não giảm bớt tám mươi phần trăm, lẽ nào quý vị chẳng tự tại? Hiện thời, các nhà khoa học phát hiện: Chẳng có vật chất. Hết thấy vật chất là cảm nhận sai lầm của con người. Họ nói: Trên sự thật, [vật chất] là chấn động của sóng ánh sáng. Trong Đàn Kinh, câu này đã được Lục Tổ đại sư diễn tả là “*do tâm nhân giả động*”. Các nhà khoa học biết hết thấy hiện tượng vật chất sanh từ dao động, nhưng sự dao động ấy do đâu mà có, họ chẳng biết! Vì lẽ đó, sự nhận thức của họ là Đệ Nhị Nghĩa, chẳng phải là Đệ Nhất Nghĩa. Sóng [dao động] do đâu mà có? Sóng từ

Chân Như bản tánh mà có. Lục Tổ nói: “*Do tâm nhân giả động*”. Kiến tánh, đó là Đệ Nhất Nghĩa. Phải nhận biết Đệ Nhất Nghĩa thì mới có thể thực hiện viên mãn “*điều phục chư căn, thân tâm nhu nhuyển*” (điều phục các căn, thân tâm nhu nhuyển).

An trụ tịch tĩnh tận Bát Niết Bàn.

安住寂靜盡般涅槃。

(An trụ tịch tĩnh trọn hết Bát Niết Bàn).

“*Tận*” (盡) có nghĩa là viên mãn, “*Bát Niết Bàn*” là thanh tịnh tịch diệt. Tâm chúng ta phải an trụ nơi đâu? Phải trụ tại chỗ nào? Dựa theo tựa đề kinh Vô Lượng Thọ, quý vị an trụ nơi “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” là đúng. Ở đây, thanh tịnh bình đẳng giác được gọi là “*tận Bát Niết Bàn*”.

Thâm nhập chánh huệ, vô phục dư tập.

深入正慧無復餘習。

(Thâm nhập chánh huệ, chẳng còn thừa sót các tập khí).

“*Tập*” (習) là tập khí, “*chánh huệ*” là trí huệ Bát Nhã, là trí huệ vốn sẵn có trong bản tánh. Hiện thời, trí huệ của chúng ta chẳng thấu lộ, chẳng thể khởi tác dụng, đức Phật bảo là do phàm phu chúng ta có hai thứ ngăn chướng trí huệ. Hai chướng là Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng. Phiền Não Chướng là những thứ như Thân Kiến, Biên Kiến, tham, sân, si, mạn, nghi. Sở Tri Chướng là quý vị biết chuyện thế gian và xuất thế gian chẳng ít. Chúng đều là chướng ngại.

Giáo học Phật pháp dạy chúng ta thực hiện từ chỗ nào? Dạy chúng ta hãy thực hiện từ vô tri. Từ vô tri nghĩa là sao? Phá trừ Sở Tri Chướng, sau khi đã đoạn trừ Sở Tri Chướng, sẽ là không gì chẳng biết. Nay vì chúng ta có Sở Tri Chướng, nên sẽ có những điều chẳng biết! Những thứ không biết quá nhiều. Vì lẽ đó, sau khi đoạn Phiền Não Chướng, chúng Đại Niết Bàn, tâm địa thanh tịnh tự tại, sung sướng khôn sánh. Phá Sở Tri Chướng, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian không gì chẳng biết. Nhưng phá Sở Tri Chướng phải thực hiện từ vô tri, Bát Nhã vô tri thì mới là không gì chẳng biết. Vì thế, biết nhiều thứ chẳng có lợi gì, Thanh Lương đại sư bảo là “*tăng trưởng tà kiến*”. Hiện thời, chúng tôi thể nghiệm câu nói ấy thật sâu! Thật sự khai trí huệ, tuyệt đối chẳng phải là có thể thành công trong một thời gian ngắn ngủi. Vì vậy, Bồ Tát tu hành phải trải qua bao kiếp dài lâu, phải tu học trong một thời gian dài, phải có lòng kiên

nhân. Kiên nhân là cơ sở của nhất tâm và tâm thanh tịnh. Quý vị là người thiếu kiên nhẫn, hãy ngẫm xem, làm sao có thể thành tựu Định cho được? Nhẫn nhục là tiền phương tiện của Thiền Định; chẳng thể nhẫn, kẻ ấy quyết định chẳng đắc Định. Chẳng có Định thì nói cách khác, quyết định chẳng thể phá Phiền Nã Chương. Chẳng có Định, quyết định là trí huệ Bát Nhã chẳng thể thấu lộ.

Tu học không tuân theo thứ tự có được hay không? Không được! Lục Độ là cương lĩnh tu hành, mà cũng là thứ tự tu hành của Bồ Tát. Điều thứ nhất là bảo quý vị buông xuống, bỏ thí là buông xuống. Buông vọng tưởng xuống, buông chấp trước xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống, buông hết thấy tri kiến xuống, trí huệ chân chánh bèn hiện tiền, tức là Bát Nhã vô tri. Vô tri là Căn Bản Trí mới có thể hiện tiền. Căn Bản Trí khởi tác dụng là Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết! “*Thâm nhập chánh huệ*” ở đây là nói tới Căn Bản Trí. “*An trụ tịch tĩnh tận Bát Niết Bàn*” trong phần trước là đoạn Phiền Nã Chương. “*Thâm nhập chánh huệ vô phục dư tập*” (Thâm nhập chánh huệ, chẳng còn tập khí thừa sót) là Sở Tri Chương cũng phá. Chúng ta đã thật sự hiểu rõ: Học Phật thì thực hiện từ nơi đâu? Học từ nơi đâu? Trong hai năm nay, tôi giảng điều gì cũng đều đề xướng, khuyên mọi người cứ đọc, chẳng cần mong hiểu nghĩa, rất nhiều người hiểu lầm, chê tôi nói nhăng nói cuội. Họ rất khó tin tưởng, rất khó lãnh hội điều ấy. Trong quá khứ, tôi đã đi sai đường. Đối với các kinh đã giảng trước kia, họ nghe rất hoan hỷ, có thể tiếp nhận, vì sao? Nói nhăng nói cuội mà! Đầu óc họ đầy ắp tà tri, tà kiến, nên [đối với họ, những thứ tri kiến tạp loạn ấy] rất tương ứng. Nay tôi đã quay đầu, họ cảm thấy kỳ quái, đại khái là cảm thấy tôi có vấn đề! Nay tôi đã thật sự tìm được đường, thật sự hiểu rõ ràng!

Y Phật sở hành Thất Giác Thánh Đạo.

依佛所行七覺聖道。

(Nuơng theo Thất Giác Thánh Đạo đức Phật đã hành).

“*Hành*” là hành vi trong cuộc sống. Hành vi trong cuộc sống lấy Thất Giác Chi và Bát Thánh Đạo làm tiêu chuẩn.

Tu hành Ngũ Nhân chiếu Chân đạt Tục, biện tài tổng trì tự tại vô ngại.

修行五眼照真達俗。辯才總持自在無礙。

(Tu hành Ngũ Nhân, chiếu soi lẽ Chân, thông đạt lẽ Tục, biện tài tổng trì tự tại vô ngại).

Ngũ Nhân là Phật nhân, huệ nhân, pháp nhân, thiên nhân, và nhục nhân. Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới ai nấy đều là “*Ngũ Nhân viên minh*”, nên có thể Thiên Nhân thấy thấu suốt. “*Chiếu Chân đạt Tục*”: Chân là căn nguyên hoặc bản thể của vũ trụ và nhân sinh, Tục (俗) là thế tục. Tư tưởng, kiến giải, và hành vi của đông đảo chúng sanh trong mười pháp giới các Ngài đều biết, đó là “*đạt Tục*”. Do “*biện tài tổng trì tự tại vô ngại*” thì các Ngài mới có thể giáo hóa chúng sanh, thành tựu biện tài.

Thiện giải thế gian vô biên phương tiện.

善解世間無邊方便。

(Khéo hiểu vô biên phương tiện của thế gian).

Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh chẳng lìa khỏi phương tiện, vì sao? Vì chân thật thì nói chẳng được, ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xú diệt, hễ có thể nói thì hoàn toàn là phương tiện! Vì lẽ đó, Thích Ca Mâu Ni Phật nói: Trong suốt bốn mươi chín năm, Ngài chẳng thuyết pháp một câu nào! Vì sao? Vì những gì đã nói trong bốn mươi chín năm đều là nói pháp phương tiện, cũng chẳng nói một câu pháp chân thật nào! Những pháp phương tiện được nói ra đều nhằm mục đích dạy cho người ta từ phương tiện bền thấu hiểu chân thật. Xét theo ý nghĩa này, chúng ta cũng có thể nói: Những câu do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm đều là nói pháp chân thật, phương tiện chính là chân thật! Đó gọi là thiện xảo, là quyền biến.

Sở ngôn thành đế, thâm nhập nghĩa vị.

所言誠諦深入義味。

(Lời nói chân thành, xác thực, thâm nhập nghĩa vị).

Đối với lời đức Phật nói, nhất định phải hiểu nghĩa thú thuyết pháp của Ngài; bởi lẽ, những lời đức Phật nói, ý ở ngoài lời! Quý vị phải lãnh hội, quyết định chớ nên chấp trước. Chấp trước ngôn ngữ của Phật, chấp trước văn tự trong kinh điển thì sai bét mất rồi! Trong kinh, đức Phật đã nói: “*Y văn giải nghĩa, tam thế Phật oan*”, ba đời chư Phật đều kêu oan uổng! Quý vị phải từ ngôn ngữ và văn tự mà lãnh hội, thấu hiểu nghĩa thú, như vậy thì mới có thể đắc đạo.

Phu diễn Chánh Pháp, quảng độ hữu tình.

敷演正法廣度有情。

(Phô diễn Chánh Pháp, rộng độ hữu tình).

“Phu” (敷) là khai triển. Triển khai giáo học rộng rãi nhằm rộng độ chúng sanh. Nên nói Chánh Pháp là như thế nào? Chánh pháp là chánh tri chánh kiến. Dẫu đức Phật nói ra phương tiện quyền xảo, Ngài vẫn dẫn dắt, khuyên dụ chúng ta nhập chánh tri chánh kiến, đó là Chánh Pháp. Chánh tri chánh kiến nói chung là phải có tiêu chuẩn, tiêu chuẩn là “giác, chánh, tịnh” được nói trong Tam Quy Y. Nói đơn giản về “giác, chánh, tịnh” thì thứ nhất là chẳng mê. Đối với chính mình, nhân sinh, vũ trụ, lý sự, nhân quả, đều có thể giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm, đó là Chánh Pháp. Chúng ta phải luôn kiểm điểm điều này. Vì sao khóa tụng sáng tối nhất định phải có Tam Quy Y? Khóa tụng sáng tối, thứ gì khác cũng có thể chẳng niệm, nhưng nhất định phải niệm Tam Quy Y. Tam Quy Y nhằm dạy chúng ta sáng tối kiểm điểm, phản tỉnh, kiểm tra chính mình, ngày hôm nay ta có mê hay không? Có tà hay không? Có nhiễm ô hay không? Nếu là mê, tà, nhiễm, sai mất rồi, đó là tà pháp, chẳng phải là Chánh Pháp. Chúng ta tiếp người, đãi vật, những nhân vật ấy đều có thể giúp cho chúng ta giác, chánh, tịnh. Đó là Chánh Pháp.

“Phu diễn chánh pháp, quảng độ hữu tình” thì Phật, Bồ Tát là đương nhiên [làm chuyện này]. Trừ Phật, Bồ Tát ra, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, sáu trần thuyết pháp. Sáu trần trong thế gian này cũng đều thuyết pháp. Tuy sáu trần thuyết pháp, chúng ta chẳng hiểu. Vì sao không hiểu? Vì chúng ta mê quá sâu. Sáu trần thuyết pháp, chúng ta không có cách nào lãnh hội. Tâm địa ắt phải đạt đến mức độ thanh tịnh khá khá thì mới có thể thấu hiểu! Bậc đại đức trong Thiền Tông nghe tiếng mảnh ngói văng vào thân trúc bèn khai ngộ; thấy nước chảy bèn khai ngộ, nghe chim hót trên cành bèn khai ngộ. Đó chính là sáu trần thuyết pháp. Do vậy có thể biết, tâm địa của người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thanh tịnh, nên đối với sáu trần, họ đều có thể cảm xúc rất sâu; do từ chỗ này mà họ có thể lãnh ngộ Chân Đế. Chúng ta tâm ý thô tháo, hời hợt, giảng cách nào cũng chẳng ngộ! Chẳng phải là sáu trần trong thế giới này không thuyết pháp, hằng ngày sáu trần đều thuyết pháp, nhưng họ chẳng khai ngộ! Thắp nến mỗi ngày, mỗi ngày [nén] đều thuyết pháp, có mấy ai thấy nến mà khai ngộ hay chẳng? Phạm vi của câu này hết sức rộng lớn. Đó là rộng độ hữu tình.

Trừ bỏ nhất thiết phiền não chỉ hoạn.

除彼一切煩惱之患。

(Trừ nỗi lo về hết thấy các phiền não cho họ).

Kiên Tư, Trần Sa, Vô Minh dần dần đoạn sạch.

Đẳng quán tam giới không vô sở hữu.

等觀三界空無所有。

(Quán tam giới bình đẳng, rỗng không, vô sở hữu).

Đây là thấy Thật Tướng của các pháp. “Đẳng” (等) là bình đẳng, “tam giới” là lục đạo. Lục đạo là chuyện như thế nào? Lục đạo “không, vô sở hữu”, đây là nói thật với quý vị. Tâm Kinh đã dạy: “Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc. Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc”, rỗng không, chẳng có gì hết. “Thọ, Tưởng, Hành, Thức, diệp phục như thị”. Nếu nghe những lời này không hiểu thì Bách Pháp Minh Môn là chú giải của Tâm Kinh. Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức triển khai thành một trăm pháp. Thọ, Tưởng, Hành, Thức là Tâm Vương và Tâm Sở, tức là tám thức và năm mươi một Tâm Sở. Sắc là mười một sắc pháp, [gồm] năm căn và sáu trần, những pháp này đều là pháp hữu vi. Kinh Kim Cang nói: “Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”, rỗng không, chẳng có gì hết! Quý vị coi những thứ đó là thật, chẳng phải là tự chuốc khổ ư? Đó là mê, là tà. Ở trong ấy, phân biệt, chấp trước, có lấy, có bỏ thì gọi là nhiễm, tức là mê, tà, nhiễm! Biết hết thấy các pháp rỗng không, chẳng có gì, đó là trí huệ, là giác. Trong hết thấy các pháp, chẳng lấy, chẳng bỏ, đó là tịnh, là thanh tịnh. Quý vị cố ý bỏ đi thì cũng là nhiễm ô, vì thế, hết thấy tùy duyên, đừng phan duyên. Phạm phu “giữ lấy”, đã lệch về một bên. Người Tiểu Thừa trừ bỏ, cũng lệch sang một bên. Người Tiểu Thừa rớt trong Thiên Chân Niết Bàn, thứ gì cũng đều chẳng cần. Còn phạm phu thì thứ gì cũng muốn, người Tiểu Thừa thì thứ gì ta cũng chẳng cần, đều sai! Vì sao? Rỗng không, chẳng có gì, cần cũng là mê, mà không cần cũng là mê. Hai bên lấy và bỏ đều trừ sạch, Bồ Tát hành Trung Đạo thì mới là thật sự hiểu rõ chuyện này. Do đó, đối với cảnh giới, chúng ta chẳng lấy, chẳng bỏ, hết thấy tùy duyên.

Bồ Tát du hý thần thông, chẳng coi nó là thật, nó chẳng có thật. Gì là thật? Tâm thanh tịnh là thật; giác, chánh, tịnh là thật. Hết thấy thời, hết thấy chỗ, trong hết thấy cảnh giới, giữ vững những thứ này, quyết định

chẳng để mất đi. Giác, chánh, tịnh là thật. Thật ra, chúng ta chẳng làm được [những điều vừa nói] thì một câu A Di Đà Phật là thật. Trong mười hai thời, một câu A Di Đà Phật chẳng bỏ, ức niệm không quên! Ưc Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật. Đó là thật, chẳng bỏ điều này, hết thấy các pháp khác tùy duyên là được rồi. Đó gọi là “*đăng quán tam giới không vô sở hữu*”.

Tri nhất thiết pháp tất giai tịch diệt, vô tướng, vô vi, vô nhân, vô quả, vô thủ, vô xả, vô phục, vô thoát.

知一切法悉皆寂滅，無相無為無因無果，無取無捨無縛無脫。

(*Biết hết thấy các pháp đều là tịch diệt, vô tướng, vô vi, vô nhân, vô quả, không lấy, không bỏ, không trói buộc, không giải thoát*).

Mấy câu này là cảnh giới của Pháp Thân đại sĩ. Đã gọi là “*cảnh giới của Pháp Thân đại sĩ*” thì quý vị chưa thấy Pháp Thân, sẽ chẳng thể có được. Hễ thấy Pháp Thân, hết thấy sẽ tự nhiên trọn đủ. Thấu lộ một ít tin chính là trong tâm người ấy không hề vướng mắc mảy may. Chẳng có vướng mắc, ưu lự, chẳng có chấp trước, vọng tưởng, đương nhiên là chẳng có phiền não. Những thứ ấy đều chẳng có, thừa cùng chư vị, sanh tử luân hồi cũng chẳng có. Vì sanh tử luân hồi là quả báo, còn những thứ này đều là nhân; nhân đã chẳng có, lấy đâu ra quả? Vì thế, sanh tử cũng chẳng có, luân hồi cũng chẳng có; không chỉ chẳng có những thứ ấy, mà tam giới cũng chẳng có, mười pháp giới cũng chẳng có. Rốt cuộc Ngài trụ nơi đâu? Bất đắc dĩ nói là Ngài trụ trong Nhất Chân pháp giới. Tự tại lắm!

Nếu chúng ta muốn nhập cảnh giới này, hãy khéo niệm A Di Đà Phật, niệm đến cảnh giới công phu thành phiên, quý vị sẽ lãnh hội đôi chút. Sự lãnh hội ấy chẳng phải là chứng đắc thật sự, trong Tứ Gia Hạnh, [sự lãnh hội ấy] được gọi là Noãn Vị (暖位)¹, [hàm nghĩa] chẳng thấy lửa, nhưng có nhiệt độ, có độ ấm, quý vị đã lãnh hội. Đạt đến nhất tâm bất loạn, sẽ nhập cảnh giới này. Đạt đến tâm địa thanh tịnh, tức là khi công phu đã thành phiên, dần dần tiếp cận cảnh giới này, quý vị có thể lãnh hội, rất tin tưởng, công phu là như thế đó! Nghiên cứu kinh [hòng mong đạt đến cảnh giới ấy] sẽ không được! Đọc trọn khắp Đại Tạng Kinh, nghiên cứu hết thấy các chú giải, chẳng liên quan gì đến chuyện này, chạm đến ngoài rìa

¹ Noãn hiểu theo nghĩa đen là ấm áp.

còn chẳng được! Càng tiếp xúc, càng rét run, chẳng ấm áp, càng rét cồng, chẳng tiếp xúc được! Vì thế, hôm nay tôi nói lời thật cùng mọi người.

Tuy tôi mua sách, thâu thập Đại Tạng Kinh, đó là vì giúp đỡ chúng sanh, tiếp dẫn chúng sanh, dùng làm tài liệu. Vì chúng tôi nói với người khác, câu nào cũng đều phải có căn cứ, chẳng thể bịa chuyện, đơm đặt, nhằm tiếp dẫn mọi người nhập môn. Sau khi đã nhập môn, phải chuyên tu Tịnh Độ, chuyên niệm A Di Đà Phật, quý vị mới có thể đạt thành tựu, quyết định chớ nên coi nhẹ chuyện này! Chính mình tu hành là thâm nhập một môn, để rộng độ hữu tình thì nhất định phải là phương tiện thiện xảo, phải phô diễn chánh pháp. Chánh pháp có phạm vi vô lượng vô biên, nguyên tắc của nó là giác, chánh, tịnh, khuyến dụ, hướng dẫn lòng người hướng về giác, hướng về chánh, hướng về thanh tịnh; đó là chánh pháp. Vì vậy, tà và chánh, nói thật ra, rất dễ phân biệt.

Biết hết thấy vạn pháp, pháp thế gian và xuất thế gian, “*vô tướng, vô vi, vô nhân, vô quả*”, tuyệt đối chẳng phải là bài bác “không có nhân quả”. Phải đạt tới mức độ nào? Phải cho tới khi trong tâm quý vị thật sự thanh tịnh, chẳng khởi một niệm thì mới là vô nhân, vô quả, chẳng lấy, chẳng bỏ. Trong tâm quý vị hãy còn khởi một niệm, nói cho quý vị biết, [vẫn là] có nhân, có quả. Vô nhân, vô quả là hạng người nào? Nơi quả địa của Như Lai. Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ vẫn chẳng lìa nhân quả. Kinh Hoa Nghiêm nói ngũ châu nhân quả (năm tầng nhân quả), kinh Pháp Hoa nói Nhất Thừa nhân quả, chẳng rời lìa [nhân quả]! Nơi quả địa Như Lai mới là không nhân, không quả, vô tướng, vô vi, triệt để liễu giải chân tướng y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới thế gian và xuất thế gian.

Khử chư phân biệt, viễn ly điên đảo.

去諸分別遠離顛倒。

(Trừ các phân biệt, xa lìa điên đảo).

Đây là chứng đắc cực quả, chỉ riêng thế giới Tây Phương là thành tựu chuyện này trong một đời. Trong các thế giới phương khác, sẽ là đời kiếp kiếp, phải trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp, hoặc vô lượng kiếp, chẳng biết là đã bỏ thân, thọ thân, thay đổi bao nhiêu thân thì mới có thể hoàn tất! Tây Phương Cực Lạc thế giới làm xong trong một đời. Điều này cũng chỉ rõ lý do vì sao hết thấy chư Phật đều khuyên mọi người cầu sanh Tịnh Độ, vì chúng ta sẽ thành tựu viên mãn ngay trong một đời ở bên ấy.

Dưới đây là hai mươi ba tỷ dụ được Liên Trì đại sư trích dẫn, hôm nay, chúng tôi đặc biệt rút ra chương kinh này [để giảng giải], tỷ dụ thứ nhất là:

Kiên cố bất động như Tu Di sơn.

堅固不動如須彌山。

(Kiên cố, chẳng lay động như núi Tu Di).

Ý nghĩa này vô cùng sâu rộng! Chúng ta không cần hiểu mức độ sâu rộng dường ấy, [vì có cố gắng hiểu] cũng chẳng thể thấu hiểu nổi, chúng ta chỉ dựa vào đoạn kinh văn này để nghĩ xem chính mình phải ứng dụng trong sự tu học hiện tiền như thế nào hòng đạt được lợi ích cho bản thân. “*Kiên cố bất động*” là nói tới tín tâm, chúng ta đối với bộ kinh điển này, đối với pháp môn này, đối với y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, đối với sự phát tâm vãng sanh cầu sanh Tịnh Độ của chính mình, có tín tâm kiên cố bất động. Tín tâm ấy quyết định chẳng bị dao động “*như núi Tu Di*”.

Trí huệ minh liễu như nhật nguyệt lãn.

智慧明了如日月朗。

(Trí huệ sáng tỏ như mặt trời, mặt trăng rạng ngời).

Để thấy rõ ràng, minh bạch chuyện này, chúng ta nhìn từ chỗ nào? Nhìn từ Sự, quá khứ, hiện tiền có bao nhiêu người vãng sanh, đó là Sự. Trong những người vãng sanh ấy, nếu quan sát cận kề, [sẽ thấy] hàng tại gia rất đông. Lại còn có nhiều người chẳng biết chữ, chẳng hiểu giáo lý, họ nhất tâm niệm Phật đều có thể vãng sanh. Người chuyên tâm niệm Phật, có nhiều vị còn đứng hay ngồi vãng sanh, biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh, quý vị có thể thấy những trường hợp ấy bèn sanh trí huệ. Đó là thật, chẳng giả. Đối với kẻ chỉ biết nói suông, quý vị hãy xem họ trong tương lai khi chết sẽ chết như thế nào? Nếu [quý vị thấy họ] khi chết, vẫn nằm trên giường bệnh mà chết, quý vị sẽ nói: “Những lời lẽ ấy của họ nói chưa chắc đã đáng tin”. Như thầy Tu Vô đã nói, khi pháp sư Đàm Hư mở giới đàn tại chùa Cực Lạc ở Trường Xuân (Harbin), thầy Tu Vô đến giúp chăm sóc người bệnh. Được một vài ngày, Sư liền xin nghỉ vì Sư phải về Tây Phương Cực Lạc thế giới, người ta biết trước lúc mất, lại chẳng ngã bệnh. Cuối cùng, người ta hỏi Sư: “Thầy Tu Vô! Thầy sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng nên làm mấy bài kệ, lưu lại mấy bài thơ để làm kỷ niệm

cho chúng tôi”. Sư nói: “Tôi xuất thân quê mùa, chưa từng học hành, không biết chữ, cũng chẳng hiểu kinh giáo chi cả”. Cuối cùng, Sư nói: “*Tôi có lời thật thà thưa cùng quý vị, có thể dùng làm kỷ niệm: Nói được, chẳng làm được; chẳng phải trí huệ chân thật!*”. Nói xong, Sư bèn tịch. “*Nói được, chẳng làm được*” là những pháp sư giảng kinh, chẳng phải là trí huệ chân thật. Trong Cật Đại Vãng Sanh Truyện và Niệm Phật Luận có chép chuyện này. Chuyện này do đích thân lão pháp sư Đàm Hư chứng kiến.

Chư vị đọc những sách ấy có thể khai trí huệ! Đọc sách khác, chưa chắc đã khai trí huệ. Đời Tống, pháp sư Oánh Kha niệm Phật ba ngày cảm được A Di Đà Phật hiện đến. Sư khai trí huệ bằng cách nào? Đọc Vãng Sanh Truyện. Bản thân Sư là người xuất gia, không tuân thủ Thanh Quy, thường phạm giới, nhưng còn có một điểm đáng tán thán là tin tưởng nhân quả. Chính Sư tự phản tỉnh, nói: “Trong tương lai, ta nhất định dọa địa ngục. Đáng sợ quá! Làm thế nào đây?” Liền thỉnh giáo đồng học. Các đồng học tìm một quyển Vãng Sanh Truyện đưa cho Sư đọc. Sư đọc bèn hết sức cảm động, xem chuyện vãng sanh của mỗi người đều xúc động ứa nước mắt. Sau khi xem xong Vãng Sanh Truyện, Sư đóng chặt cửa phòng, phát tâm niệm Phật, cũng không ăn cơm, mà cũng chẳng uống nước, cũng chẳng ngủ nghỉ, niệm một câu Phật hiệu suốt ba ngày ba đêm, cảm A Di Đà Phật hiện tới. A Di Đà Phật bảo Sư: “Ông hãy còn mười năm thọ mạng, hãy khéo tu hành trong mười năm. Tới khi đó, ta lại đến tiếp dẫn ông”. Sư suy nghĩ, bạch Phật: “Con chẳng cần mười năm thọ mạng, vì sao? Căn tánh kém hèn rất nặng, không chống nổi sự dụ dỗ, mê hoặc. Hễ bị bên ngoài dụ dỗ, mê hoặc, con sẽ lại phạm giới, sẽ lại tạo tội nghiệp, chẳng biết trong mười năm ấy sẽ tạo bao nhiêu tội nghiệp. Con chẳng cần mười năm thọ mạng, nay con đi theo Phật”. A Di Đà Phật gật đầu, chấp thuận: “Được rồi, ba hôm nữa ta sẽ đón ông”. Ba ngày sau, Sư cũng chẳng bị bệnh, mọi người niệm Phật cho Sư, Sư tự tại vãng sanh. Vị này lỗi lạc thay!

Vì lẽ đó, đọc Vãng Sanh Truyện có thể khai trí huệ nhanh hơn đọc các bộ đại kinh, đại luận rất nhiều. Đại kinh, đại luận khai trí huệ rất chậm, đã thế, người đọc còn nửa tin, nửa ngờ, đôi khi còn biến thành Sở Tri Chương, há nhanh chóng, lạ lùng như đọc Vãng Sanh Truyện? Thấy gương của những vị ấy, họ là thầy của chúng ta, nêu khuôn mẫu cho chúng ta noi theo. Đó là trí huệ thật sự hiểu rõ. Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sanh Truyện, và bộ Thiện Nữ Nhân Truyện trong Đại Tạng Kinh là những tác phẩm hay, đáng nên đề xướng. Thậm chí trong một thời gian ngắn ngủi,

người ta thỉnh chúng ta giảng khai thị, bèn giảng ba bốn mẫu chuyện cũng rất hợp, xác thực là có thể giúp đỡ người khác. Bởi lẽ đó, sách Niệm Phật Luận của Đàm Hư nói thật ra là tam chuyển pháp luân, phần đầu là thị thuyết (giảng giải chỉ dạy), phần giữa là khuyến thuyết (khuyên bảo), cuối cùng nêu ra chuyện của ba người để chứng minh, đó là chứng thuyết. Ngài kể chuyện thầy Tu Vô là người xuất gia, ông Trịnh Tích Tân là một nam cư sĩ tại gia, còn có bà Trương là nữ cư sĩ, nêu gương ba người để chứng minh. Ba người ấy Sư đều đích thân chính mắt trông thấy. Ông Trịnh Tích Tân và bà Trương đều là đệ tử quy y của Ngài.

Quảng đại như hải, xuất công đức bảo.

廣大如海出功德寶。

(Rộng lớn như biển, xuất sanh của báu công đức).

“*Quảng đại*” là tâm lượng rộng lớn. Tâm lượng rộng lớn, vô lượng công đức sẵn có trong bản tánh bèn hiện tiền. Tâm lượng nhỏ nhoi, tối đa là tu được một chút phước đức, chẳng có công đức. Lương Vũ Đế là một vị đại hộ pháp trong Phật môn Trung Hoa, dựng hơn bốn trăm tám mươi ngôi chùa, thành tựu người xuất gia mấy chục vạn người. Đạt Ma tổ sư đến Trung Hoa, vua hướng về Đạt Ma tổ sư thỉnh giáo: “Công đức của trẫm có lớn hay không?” Trên thực tế, Đạt Ma tổ sư cũng chẳng nhạy bén cho lắm. Nếu Đạt Ma tổ sư phương tiện vọng ngữ, vua có sức mạnh hộ pháp rất lớn, nhất định sẽ hộ trì. Do Đạt Ma tổ sư nói thẳng thừng, ý kiến không hợp nhau, vua chẳng hộ pháp cho Tổ. Đạt Ma tổ sư nói: “*Trợn chẳng có công đức gì!*” Vì sao nói nhà vua chẳng có công đức? Tâm lượng nhỏ hẹp, chỗ nào cũng chấp tướng! Vì thế, hoàng đế không ngó ngàng tới Tổ, mà cũng chẳng giúp đỡ Ngài. Tổ đành phải tới chùa Thiêu Lâm nhìn vào vách, đợi một người là Huệ Khả suốt chín năm. Vì vậy, tâm lượng phải rộng lớn, chớ nên chấp trước, chớ nên so đo, sẽ thành tựu công đức chân thật.

Xí thịnh như hỏa thiêu phiền não tân.

熾盛如火燒煩惱薪。

(Hừng hực như lửa đốt củi phiền não).

“*Xí thịnh*” (熾盛) là trí huệ tinh tấn, cũng có thể nói là Định Huệ tinh tấn, giống như lửa cháy rất dữ dội. Lửa Định và Huệ mới có thể đoạn phiền não. Có Định thì mới có thể phá Kiến Tư phiền não, có Huệ thì mới

có thể phá Trần Sa và Vô Minh. Một là phá Sở Tri Chương, hai là phá Phiền Não Chương, phải hừng hực tinh tấn thì mới được! Quý vị nhìn vào Lục Độ, Nhẫn Nhục cộng thêm Tinh Tấn sẽ là xí thịnh thì mới có thể đắc Thiền Định, mới có thể đắc Bát Nhã, phá Phiền Não Chương, phá Sở Tri Chương.

Nhẫn nhục như địa, nhất thiết bình đẳng.

忍辱如地一切平等。

(Nhẫn nhục như đất, hết thấy bình đẳng).

Tâm giống như đại địa, thứ gì cũng đều có thể nhẫn. Nói thật ra, học Phật thì đầu tiên phải là học nhẫn nhục. Vì thế, trong tứ đại Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát được xếp đầu tiên. Địa biểu thị đại địa. Tâm chúng ta phải giống như đại địa, có thể nhẫn, có thể hứng chịu, tốt cũng hứng chịu, xấu cũng hứng chịu, lại còn hứng chịu bình đẳng, học những điều này. Học những điều ấy thì sau đó mới có thể đắc Định, mới có thể đắc tâm thanh tịnh. Chẳng thể nhẫn nhục thì người ấy tu học Phật pháp, tối đa là trong tương lai làm một nhà Phật học mà thôi, có thể nói đến nổi hoa trời rơi tán loạn, nhưng trong tương lai đáng nên luân hồi như thế nào thì vẫn luân hồi đúng như thế ấy, chẳng có tác dụng gì cả. Đúng như sư Tu Vô đã nói: “*Nói được, chẳng làm được; chẳng phải trí huệ chân thật*”. Căn bản là chẳng có trí huệ chân thật. Vì vậy, phải tu nhẫn nhục, biết nhẫn nhục hết sức trọng yếu. Trong kinh Kim Cang, đức Phật giảng về Lục Độ đã nêu ra hai trọng điểm: Một là Bồ Thí, hai là Nhẫn Nhục. Bồ Thí nhằm bảo quý vị hãy buông xuống, tu tập, tích lũy công đức. Nhẫn Nhục là thành tựu công đức, giữ vững công đức, chẳng để mất đi.

Thanh tịnh như thủy, tẩy chư trần cấu.

清淨如水洗諸塵垢。

(Thanh tịnh như nước, rửa các bụi nhơ).

Vì có nhẫn nhục thì tâm mới có thể thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sẽ rửa sạch phiền não nghiệp tập (nghiệp chương, tập khí) từ vô thủy kiếp tới nay. Đó là sám hối thật sự. Vì thế, chúng ta vọng tưởng ít đi, phân biệt giảm bớt, tức là sám hối có hiệu quả, thật sự đạt được lợi ích. Nếu tuy tu pháp sám hối ấy, mà phiền não tập khí chẳng đoạn, tức là đã uống công tu pháp sám hối ấy! Cũng có đồng tu kể với tôi: Khi tu thì [phiền não] ít hơn, được hai ngày rồi lại có. Tu bao nhiêu năm, phiền não tập khí vẫn chẳng

đoạn, do nguyên nhân nào? Không đúng pháp, kẻ ấy tu nơi Sự, chẳng tu nơi tâm địa! Pháp môn này phải tu từ tâm địa; không chỉ là phải tu, mà còn phải nghiêm túc gìn giữ nó. Nói cách khác, chớ nên đánh mất cái tâm thanh tịnh. Trong hết thấy mọi lúc, hết thấy mọi chỗ, phải gìn giữ cái tâm thanh tịnh, gìn giữ cái tâm bình đẳng. Quý vị có thể gìn giữ cái tâm bình đẳng, tức là thành tựu Nhẫn Nhục Ba La Mật. Có thể giữ vững cái tâm thanh tịnh, tức là thành tựu Thiền Định Ba La Mật. Có công phu như vậy, chúng ta niệm Phật mới có thể niệm đến nhất tâm bất loạn, mới có thể niệm đến công phu thành phiền. Dầu chẳng thể chứng đắc nhất tâm bất loạn, nhưng công phu thành phiền quyết định có thể chứng đắc. Đạt đến công phu thành phiền thì cũng là Niệm Phật tam-muội. Hạ phẩm Niệm Phật tam-muội chắc chắn nắm chắc vắng sanh. Chính mình có nắm chắc thì chính mình sẽ có tín tâm!

Như hư không vô biên, bất chướng nhất thiết cố.

如虛空無邊不障一切故。

(Như hư không vô biên vì chẳng ngăn trở hết thấy).

Câu này diễn tả tâm lượng rộng lớn, có thể bao dung hết thấy. “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”, phải mở rộng tâm lượng. Vì sao? Đây là chân tâm, tâm lượng vốn là như thế! Hiện thời, tâm lượng của chúng ta rất nhỏ, chẳng thể bao dung, chịu đựng. Vì sao xã hội động loạn ngàn ấy? Vì đôi bên chẳng thể bao dung nhau. Do chẳng bao dung, nên mới có tranh chấp, mới có đấu tranh. Tâm lượng của mỗi cá nhân đều rất lớn, đều có thể bao dung, xã hội liền tốt đẹp, an tường, hòa hợp, hài hòa, chẳng thể có tranh chấp. Vì lẽ đó, tâm lượng phải rộng lớn. “*Bất chướng nhất thiết*” (Chẳng ngăn trở hết thấy), biết hết thấy các pháp tất nhiên có đạo lý và phương pháp dung hòa. Chẳng thể dung hòa thì chỉ là xung đột nhất thời. Sự xung đột ấy nhất định phải có nguyên nhân. Tìm ra nguyên nhân, tiêu trừ nguyên nhân ấy thì sẽ dung hòa. Sở dĩ Phật pháp vĩ đại là do vĩ đại ở chỗ này: Chẳng có pháp nào không viên dung, Lý Sự viên dung, Sự Sự viên dung, hết thấy vô ngại!

Như liên hoa xuất thủy, ly nhất thiết nhiễm cố.

如蓮華出水離一切染故。

(Như hoa sen ngời khỏi mặt nước, lìa hết thấy nhiễm).

Đây là tỷ dụ. Vì vậy, chúng ta phải hiểu lẽ thiện xảo trong sự thuyết pháp của đức Phật, chớ nên chấp tướng. Chớ nên nghĩ là mỗi vị Phật, Bồ Tát đều ngồi hoặc đứng trên hoa sen, trong tương lai quý vị thành Phật hoặc thành Bồ Tát có phải là cũng cần tạo ra hoa sen hay không? [Nghĩ như vậy] là sai mất rồi! Vì sao? Chấp tướng! Hoa sen biểu thị chẳng nhiễm trước, mang ý nghĩa này. Chẳng phải là mỗi người đều phải tạo một cái hoa sen để ngồi lên đó. [Nghĩ như vậy thì] sai lầm mất rồi. Đó là biểu thị pháp, hy vọng các vị đồng tu nhất định phải ghi nhớ điểm này!

Hoa sen mọc từ bùn lầy, nhưng chẳng nhuốm bẩn. Bùn lầy biểu thị lục đạo, biểu thị lục phàm. Phía trên bùn là nước trong; chẳng có nước, hoa sen sẽ chết khô! Nó có nước trong, nước sạch hơn bùn, tượng trưng tứ thánh, tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Hoa nở phía trên mặt nước biểu thị lục phàm lẫn tứ thánh đều chẳng nhiễm. Hoa sen vượt khỏi mặt nước, không chỉ chẳng bị thế gian pháp nhuốm bẩn, mà pháp xuất thế gian cũng chẳng nhuốm bẩn, cũng chẳng nhiễm Phật pháp! Như vậy thì mới thành công! Nếu quý vị chẳng hiểu ý nghĩa này, vẫn nhất định chấp trước có tướng ấy, có hoa sen, tức là hoàn toàn bị nhiễm trước. Dầu quý vị chẳng bị pháp thế gian nhiễm trước, nhất định bị Phật pháp nhiễm trước. Chư Phật thấy nông nổi này, lẽ nào chẳng ứa lệ? Quý vị đã hoàn toàn hiểu sai ý nghĩa của các Ngài. Bởi lẽ, hoa sen biểu thị sự bất nhiễm. Chúng ta thấy chư Phật, Bồ Tát đứng hoặc ngồi trên hoa sen, phải hiểu ý nghĩa của các Ngài, phải học theo các Ngài: Pháp thế gian và xuất thế gian pháp đều chẳng nhiễm trước, đều chẳng chấp trước. Cái tâm như vậy thì mới khôi phục sự thanh tịnh thật sự.

Có chẳng ít kẻ học Phật chẳng nhiễm pháp thế gian, nhưng bị Phật pháp nhiễm, vẫn tưởng đó là chân thật, tưởng đó là Phật pháp. Vì thế, họ chẳng thể đoạn phiền não, chẳng thể phá vô minh. Nguyên nhân ở chỗ nào? Họ bị Phật pháp nhiễm ô! Vì thế, kẻ khéo dùng Phật pháp, sẽ đạt được giải thoát nơi Phật pháp. Kẻ chẳng biết dùng Phật pháp, sẽ bị Phật pháp ràng buộc. Vì lẽ đó, người biết dùng Phật pháp, sẽ đạt được công đức và lợi ích thù thắng khôn sánh trong Phật pháp. Kẻ chẳng biết sử dụng, sẽ bị Phật pháp hại chết, hại thâm! Phật pháp có thể hại người! Chính là vì quý vị chẳng thật sự hiểu rõ Phật pháp, chẳng thật sự biết sử dụng. Điều này có mối quan hệ hết sức to lớn; do vậy, nhất định phải hiểu vì sao đức Phật phải trụ trong thế gian? Có sao đức Phật phải vì chúng ta thuyết pháp? Đức Phật thuyết pháp có dụng ý thật sự là gì? Đức Phật dùng phương pháp nào để giúp đỡ chúng ta? Có thể giúp chúng ta đến mức độ nào? Chư vị phải hiểu rành mạch, rõ ràng!

Tôi muốn giới thiệu chương kinh văn này cùng chư vị vì nó hữu ích rất lớn đối với sự tu hành của chúng ta. Nay đã hết thời gian rồi!